

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA**

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 19 tháng 5 năm 2022, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc “Ly hôn, nuôi con” giữa:

Người khởi kiện: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu D, phường C, Thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Người bị kiện: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Hoàng C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án theo hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số 45/2022/CNKQHGT ngày 19 tháng 5 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến khác về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:**

Người khởi kiện: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu D, phường C, Thành Phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Người bị kiện: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Hoàng C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Công nhận hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:**

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T có 01 con chung Nguyễn Trần Khánh Huyền, sinh ngày 21/4/2011. Anh T và chị T thống nhất thỏa thuận như sau: Giao cháu Nguyễn Trần Khánh Huyền cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác về pháp luật. Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Căn cứ Điều 6 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 58/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc hội, đương sự không phải chịu lệ phí ly hôn.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**4.** Các bên, người đại diện hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

**5.** Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

**6.** Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND h. Hoằng Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h. Hoằng Hóa;
- UBND xã H. C;
- UBND phường c;
- Lưu hồ sơ vụ việc, TA.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Phương**

